

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/DS-ST

Ngày 24/9/2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lập Tiến.

2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 630/2019/TLST-DS ngày 14/10/2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2020/QĐXX - DS ngày 17/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2020/QĐST-DS ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ Á; Địa chỉ: 31 Ama Q, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn G và bà Lê Thị T; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Bùi Thị Như A; Địa chỉ: 75 Hùng V, phường Tự A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á trình bày có nội dung như sau:

Trên cơ sở giới thiệu của bà Bùi Thị Như A nên vào ngày 08/8/2018 bà Á có cho vợ chồng ông Lê Văn G và bà Lê Thị T vay số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hòa T, lãi suất thỏa thuận miệng, khi vay không thể chấp tài

sản gì, ông G có ký giấy vay tiền cho bà Á giữ để làm tin, trong nội dung giấy vay tiền có thể hiện ông G bà T vay của bà Á số tiền 600.000.000 đồng + 1.000.000.000 đồng, tổng cộng là 1.600.000.000 đồng, do ông G vay 600.000.000 đồng, liền sau đó vay thêm 1.000.000.000 đồng nên nội dung vay 1.000.000.000 đồng được viết sau bằng một màu mực khác, số tiền vay 600.000.000 đồng là để đảo hạn Ngân hàng, khoản vay 1.000.000.000 đồng để làm ăn, nhưng sau đó bị đơn ông G không trả tiền vay như cam kết mặc dù bà Á đã đòi rất nhiều lần. Nay do ông G và bà T vi phạm nghĩa vụ vay tiền vì vậy bà Á yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn G và bà Lê Thị T trả số tiền vay là 1.600.000.000 đồng. Về lãi suất không yêu cầu. Tại phiên tòa bà Á chỉ yêu cầu một mình ông G có trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai bị đơn ông Lê Văn G trình bày có nội dung như sau:

Vào năm 2017 vợ chồng ông G có lên nhà Bùi Thị Như A trên cơ sở thỏa thuận đầu tư vốn làm ăn thì bà A đầu tư góp vốn cho vợ chồng ông G tổng số tiền là 400.000.000 đồng, sau đó vợ chồng ông G đã trả lại cho bà A được 50.000.000 đồng. Sáng ngày 08/8/2018 bà A gọi điện thoại cho ông G ra quán cà phê Thu T tại đường Nguyễn Văn C, thành phố B, tại đây bà A đề nghị ông G ký vào 01 giấy vay tiền mà không viết nội dung gì, đến cuối năm 2018 thì có bà Lê Thị Mỹ Á đến nhà ông G đưa ra giấy vay tiền mà ông G đã ký cho bà A nói là khoản nợ bà A chuyển qua. Việc bà Á khởi kiện đòi số tiền vay 1.600.000.000 đồng thì ông G xác định không vay, ông không biết gì về bà Á, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Á.

Tại bản tự khai bị đơn bà Lê Thị T trình bày có nội dung như sau:

Vào năm 2017 vợ chồng bà T có lên nhà bà Bùi Thị Như A, bàn về việc làm ăn thì bà A đồng ý góp vốn làm ăn với tổng số tiền là 400.000.000 đồng, sau đó đã đưa lại bà A 50.000.000 đồng, giấy vay tiền mà bà Á khởi kiện thì bà T không biết và không liên quan gì.

Tại bản tự khai người làm chứng bà Bùi Thị Như A trình bày có nội dung như sau:

Trên mối quan hệ quen biết với ông G, bà Á nên vào ngày 08/8/2018 bà A có chứng kiến việc bà Á cho ông G vay số tiền 1.600.000.000 đồng, bà A chỉ là người chứng kiến, nay hai bên tranh chấp thì bà không biết gì, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á.

Buộc bị đơn ông Lê Văn G có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á số tiền 600.000.000 đồng. Về lãi suất nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á buộc bị đơn ông Lê Văn G và bà Lê Thị T trả số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á về việc buộc bị đơn ông Lê Văn G và bà Lê Thị T trả số tiền lãi chậm trả theo lãi suất ngân hàng là 2%/tháng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn G và bà Lê Thị T, người làm chứng bà Bùi Thị Như A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông G, bà T có bản tự khai không thừa nhận việc vay tiền của bà Á, nhưng không tham gia tố tụng trực tiếp tại Tòa án để tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất để làm rõ vụ án, mà luôn vắng mặt, cố tình lẩn tránh nên Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện các thủ tục tổng đạt đầy đủ theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử để bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy vay tiền đề ngày 08/8/2018 do nguyên đơn bà Á cung cấp thể hiện việc bị đơn ông G, bà T có vay của bà Á số tiền là 1.600.000.00 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay đáo hạn Ngân hàng, không thỏa thuận lại suất, không có tài sản thế chấp, giấy vay tiền có chữ ký của ông Lê Văn G tại phần bên vay, nay các bên tranh chấp với nhau nên nguyên đơn bà Á khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Á, buộc bị đơn ông Lê Văn G và bà Lê Thị T trả số tiền là 1.600.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy vay tiền đề ngày 08/8/2018 do nguyên đơn bà Á cung cấp thể hiện nội dung “... bên cho vay (bên A) Lê Thị Mỹ Á, CMND số 240382609, thường trú 31 Ama Q, thành phố B, bên vay (bên B) họ tên chồng: Lê Văn G, sinh ngày 8/8/1964, số CMND 240685774, họ và tên vợ: Lê Thị T, CMND 241218356, đồng thường trú tại: Khố 8, phường Tân L, thành phố B, bên B có vay của bên A số tiền là 600.000.000 đ + 1.000.000.000 đ, viết bằng chữ sáu trăm triệu đồng chẵn và một tỷ đồng, mục đích

vay là đảo hạn NH số tiền trên được bảo đảm bằng tài sản đang thế chấp trong NHNN Hòa T, tổng là một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 08/8/2018 đến ngày 08/09/2018 ...”. Tuy nhiên, tại giấy vay tiền trên các nội dung “1.000.000.000 đ, ... và một tỷ đồng, đảo hạn NH số tiền trên được bảo đảm bằng tài sản đang thế chấp trong NHNN Hòa T, tổng là một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 08/8/2018 đến ngày 08/09/2018, chữ ký viết, ký bên cho vay Lê Thị Mỹ Á, người làm chứng Bùi Thị Như A.....”, là thể hiện một màu mực khác so với nội dung còn lại, điều này thể hiện sự viết thêm vào giấy vay tiền ngày 08/8/2018, giấy vay tiền này do nguyên đơn cung cấp và thừa nhận là chữ viết là của bà Bùi Thị Như A do nguyên đơn nhờ bà A viết giấy vay tiền giúp, nội dung từ chữ “ “1.000.000.000 đ, ... và một tỷ đồng, đảo hạn NH số tiền trên được bảo đảm bằng tài sản đang thế chấp trong NHNN Hòa T, tổng là một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn, thời hạn vay 01 tháng (từ ngày 08/8/2018 đến ngày 08/09/2018, chữ viết, ký bên cho vay Lê Thị Mỹ Á, người làm chứng Bùi Thị Như A”, là viết thêm sau vào ngay sau, nội dung “.....bên cho vay (bên A) Lê Thị Mỹ Á, CMND số 240382609, thường trú 31 Ama Q, thành phố B, bên vay (bên B) họ tên chồng: Lê Văn G, sinh ngày 8/8/1964, số CMND 240685774, họ và tên vợ: Lê Thị T, CMND 241218356,, bên B có vay của bên A số tiền là 600.000.000 đ..”. Nguyên đơn bà Á đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ về việc chứng minh nhưng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tiến hành giám định các nội dung tại giấy vay tiền ngày 08/8/2018, cũng như nội dung viết thêm mà quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn đều thừa nhận nội dung viết thêm vào giấy vay tiền đề ngày 08/8/2018, bị đơn không trực tiếp tham gia tố tụng do đó Hội đồng xét xử xét thấy thực tế bị đơn ông G chỉ ký giấy vay tiền của nguyên đơn bà Á số tiền là 600.000.000 đồng là phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với thực tế, phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn. Do đó, có căn cứ xác định ngày 08/8/2018 bị đơn ông G có vay của nguyên đơn bà Á số tiền 600.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Á buộc bị đơn ông G có trách nhiệm trả cho bà Á số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Á buộc bị đơn ông G trả số tiền 1.000.000.000 đồng.

[4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Á buộc bị đơn bà T có trách nhiệm cùng ông G trả số tiền 1.600.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền ngày 08/8/2018 không có chữ ký, chữ viết của bà T, việc ông G vay tiền thì T không biết, nguyên đơn bà Á không cung cấp được giấy tờ tài liệu chứng minh bà T có biết việc ông G vay tiền, cũng như mục đích vay dùng cho gia đình, trả lời công văn của Tòa

án, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Hòa T Đắc Lắc xác định trong khoảng thời gian từ năm 2015 cho đến nay ông Lê Văn G và bà Lê Thị T không vay vốn tại Aribank Hòa T, Đắc Lắc và tại phiên tòa nguyên đơn bà Á chỉ yêu cầu một mình cá nhân ông G có trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn bà Á.

[6] Xét ý kiến của bị đơn ông G cho rằng ông G không vay tiền bà Á, ông G ký giấy vay tiền là theo yêu cầu của bà A chứ không có việc vay tiền, ông G thừa nhận chữ ký, chữ viết Lê Văn G tại phần bên vay trong giấy vay tiền ngày 8/8/2018 là do ông G ký, viết ra, giấy vay tiền này thể hiện bên cho vay Lê Thị Mỹ Á, bà Á là người cung cấp giấy vay này, người làm chứng bà A xác định bà có chứng kiến việc ông G vay tiền bà Á, chứ không phải vay tiền bà A do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn ông G.

[7] Tại đơn khởi kiện thì nguyên đơn bà Á có yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền lãi suất chậm trả theo Ngân hàng là 2%/tháng. Tuy nhiên, ngày 29/7/2020 bà Á đã có đơn xin rút yêu cầu này nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp.

[8] Về án phí: Ông Lê Văn G phải chịu 20.000.000 đồng + (200.000.000 đồng x 4%) = 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á phải chịu án phí phần không được chấp nhận yêu cầu cụ thể là: 36.000.000 đồng + (200.000.000 đồng x 3%) = 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 30.000.000 đồng bà Á đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắc Lắc theo biên lai thu số AA/2019/0004957 ngày 07/10/2019. Bà Lê Thị Mỹ Á còn phải nộp 12.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á.

Buộc bị đơn ông Lê Văn G có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á số tiền 600.000.000 đồng. Về lãi suất nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á buộc bị đơn ông Lê Văn G và bà Lê Thị T trả số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của người khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á về việc buộc bị đơn ông Lê Văn G và bà Lê Thị T trả số tiền lãi chậm trả theo lãi suất ngân hàng là 2%/tháng.

Về án phí: Bị đơn ông Lê Văn G phải chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ Á phải chịu 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần không được chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 30.000.000 đồng bà Lê Thị Mỹ Á đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0004957 ngày 07/10/2019. Bà Lê Thị Mỹ Á còn phải nộp 12.000.000 đồng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS +VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh

